

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV23B3
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024**

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)		Giáo dục thể chất(1)		Pháp luật(1)		Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)		Bảng tính điện tử(3)		Tiếng anh chuyên ngành(2)		Kỹ năng mềm(2)		Văn bản pháp qui(2)		Giáo dục Chính trị(2)		Điểm TB		Xếp loại
01	2354802034947	Nguyễn Thế	Anh	03/07/2008	5.5	5.6	5.5	6.7	5.5	6.7	4.0	4.6	5.7	5.6	Trung bình										
02	2354802034948	Đào Quốc	Duy	16/03/2008	8.4	7.9	6.8	7.8	8.7	5.5	5.9	5.4	6.5	6.9	Trung bình										
03	2354802034949	Phạm Bảo	Dương	11/08/2008	8.2	8.3	6.8	7.4	7.6	6.7	5.0	4.8	6.5	6.5	Trung bình										
04	2354802034950	Đinh Tiến	Đạt	28/10/2007	7.9	0.0	2.8	9.1	2.9	3.2	2.3	2.6	2.8	4.0	Yếu										
05	2354802034951	Nguyễn Văn	Hậu	05/09/2007	7.7	9.5	8.2	7.7	8.2	7.4	7.3	6.2	6.4	7.4	Khá										
06	2354802034952	Phạm Ngọc	Hậu	14/02/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu										
07	2354802034953	Trần Phúc	Hậu	22/09/2006	8.3	7.2	7.7	8.3	6.2	7.5	7.3	7.5	6.3	7.2	Khá										
08	2354802034954	Nguyễn Thiện	Hiếu	16/10/2008	7.8	8.3	8.2	7.0	7.3	7.9	6.6	6.7	7.1	7.2	Khá										
09	2354802034955	Đinh Trọng	Huỳnh	23/02/2008	8.1	9.0	7.2	7.7	7.5	7.9	5.3	4.6	5.6	6.6	Trung bình										
10	2354802034956	Trương Chấn	Hưng	25/03/2008	6.2	7.3	6.8	8.3	6.5	5.8	5.5	5.3	5.4	6.3	Trung bình										
11	2354802034957	Nguyễn Đào Minh	Khang	01/05/2008	7.4	8.4	7.7	6.8	6.7	7.8	7.7	6.7	7.0	7.1	Khá										
12	2354802034958	Lê Minh	Khánh	20/12/2006	8.0	7.5	7.7	7.2	8.2	6.9	6.8	6.6	6.2	7.1	Khá										
13	2354802034959	Huỳnh Bảo	Khoa	03/02/2008	8.0	8.9	7.9	9.0	6.3	7.6	7.4	5.8	5.9	7.1	Khá										
14	2354802034960	Phạm Tuấn	Kiệt	04/06/2008	7.0	7.0	8.0	8.7	8.4	8.6	7.9	6.4	8.4	8.1	Giỏi										
15	2354802034961	Huỳnh Chí	Linh	29/09/2008	7.6	8.6	9.2	7.5	8.4	9.0	8.0	6.7	8.0	8.0	Giỏi										
16	2354802034962	Lê Văn	Lộc	23/12/2008	2.6	0.0	0.0	3.5	2.7	3.9	2.2	2.5	0.0	2.4	Yếu										
17	2354802034963	Huỳnh Hữu	Lý	23/07/2007	6.1	1.4	0.0	3.0	2.4	3.7	2.4	2.5	0.0	2.2	Yếu										

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Bảng tính điện tử(3)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
18	2354802034964	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/12/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
19	2354802034965	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	21/04/2008	6.4	6.9	8.2	6.0	6.3	8.1	8.5	6.6	6.4	7.0	Khá
20	2354802034966	Lâm Gia	Như	18/10/2008	7.0	5.1	8.8	7.3	6.8	6.8	9.3	7.0	7.7	7.5	Khá
21	2354802034967	Lê Bảo	Sang	23/03/2008	8.5	8.5	7.3	8.3	7.4	6.6	6.0	4.2	6.1	6.7	Trung bình
22	2354802034968	Phạm Bảo	Thái	11/08/2008	6.4	7.3	7.3	8.9	7.3	6.2	6.4	4.5	6.2	6.8	Trung bình
23	2354802034969	Nguyễn Nhật	Thi	14/10/2008	6.8	5.3	6.5	5.7	7.0	7.2	6.1	5.1	5.4	6.1	Trung bình
24	2354802034970	Dương Ngọc	Thiện	01/04/2008	7.4	6.7	6.3	6.9	6.5	7.5	6.7	4.8	5.9	6.4	Trung bình
25	2354802034971	Ngô Văn Minh	Thông	24/01/2008	8.5	8.8	7.1	7.4	8.3	8.2	7.2	7.3	6.2	7.5	Khá
26	2354802034972	Đỗ Phạm Ti	Ti	03/10/2008	7.0	7.7	6.3	8.6	6.4	7.6	7.7	6.4	6.1	7.1	Khá
27	2354802034973	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	12/11/2008	8.7	7.9	7.8	8.7	6.5	8.2	8.3	7.0	6.7	7.6	Khá
28	2354802034974	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/03/2008	7.2	8.3	6.2	6.6	7.5	7.7	7.2	7.2	6.1	7.0	Khá
29	2354802034975	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	23/09/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
30	2354802034976	Nguyễn Thị Tú	Trinh	09/10/2008	5.8	5.4	7.9	9.1	6.1	7.5	8.1	7.2	6.6	7.5	Khá
31	2354802034979	Trần Phạm Tấn	Vĩ	01/01/2008	7.0	6.9	6.3	7.8	8.5	4.6	4.5	3.9	5.4	6.1	Trung bình
32	2354802034980	Nguyễn Thị Thúy	Vy	30/06/2008	6.7	5.3	7.5	6.4	7.4	8.8	7.5	6.9	6.3	7.2	Khá
33	2354802034981	Lư Thị Kim	Yến	05/06/2008	6.9	8.0	8.2	8.2	6.8	8.2	8.4	5.3	6.3	7.3	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.
TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái